TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **439/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/9/2023
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lưu Duy Mạnh.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
1. Ông Nguyễn Văn Cường.
2. Bà Võ Thị Lệ.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Cà Thị Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang *tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 244/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc tranh chấp *"Xin ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 418/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 315/2023/QDST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Lê Thị Hồng H, sinh năm: xxxx (Có mặt).
Địa chỉ: ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Trương Đức H1, sinh năm: xxxx (Vắng mặt).
Địa chỉ: ấp D, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn* Lê Thị Hồng H *trình bày:***

Chị H và anh H1 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T, huyện G năm 2014. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2017 chị H sinh cháu Trương Thị Ngân H2, chị H có về nhà cha mẹ ruột sinh sống khoảng một tháng thì phát hiện anh H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ đó đến nay chị H sống tại nhà cha mẹ ruột ở huyện C sống, anh H1 cũng không liên lạc hỏi thăm để hàn gắn tình cảm. Nay chị H nhận

thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Trần Thị Hồng H3 yêu cầu ly hôn với anh Trương Đức H1.

- *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung tên Trương Thị Ngân K sinh ngày 02/09/2013, Trương Hữu N, sinh ngày 30/03/2015 và Trương Thị Ngân H2 sinh ngày 05/04/2017. Hiện nay, cháu K và cháu N do anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; cháu H2 do chị H3 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ly hôn, chị H3 yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu H2; đồng thời, chị H3 giao cháu K và cháu N cho anh H1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: Chị H3 chưa yêu cầu anh H1 thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu H2; đồng thời; chị H3 cũng không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu N.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn* Trương Đức H1 *vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt 02 lần tại phiên tòa xét xử sơ thẩm dù được Tòa án triệu tập.***

**** Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:***

- Về tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án và tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại các Điều 26 đến Điều 40; Điều 68; Điều 93 đến Điều 97; Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Hồng H.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H được ly hôn với anh Trương Đức H1.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Trương Thị Ngân K sinh ngày 02/09/2013, Trương Hữu N, sinh ngày 30/03/2015 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; giao cháu Trương Thị Ngân H2 sinh ngày 05/04/2017 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H và anh H1 chưa yêu cầu nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Do chị Trương Thị Hồng H4 trình bày không có nên không xem xét.

+ Về án phí: Chị Trương Thị Hồng H4 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn anh Trương Đức H1 cư trú tại ấp E, xã T, huyện G, Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H và anh Trương Đức H1 kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 71/2014 ngày 08/7/2014, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh H1 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do năm 2017 chị H sinh cháu Trương Thị Ngân H2, chị có về nhà cha mẹ ruột sinh sống một tháng thì phát hiện anh H1 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Đồng thời, trong quá trình giải quyết anh H1 được Tòa án triệu tập hợp lệ để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt chứng tỏ anh H1 có thái độ bỏ mặc, không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ gia đình với chị H. Như vậy, có thể thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh H1 đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, yêu cầu xin ly hôn của chị H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Hồng H3 và anh Trương Đức H1 có 03 con chung tên Trương Thị Ngân K sinh ngày 02/09/2013, Trương Hữu N, sinh ngày 30/03/2015 và Trương Thị Ngân H2 sinh ngày 05/04/2017. Hiện nay, cháu K và cháu N do anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; cháu H2 do chị H3 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ly hôn chị H3 yêu cầu tiếp tục được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu H2; đồng thời, chị H3 giao cháu K và cháu N cho anh H1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Xét thấy, hiện nay cháu H2 đang có cuộc sống ổn định bên chị H3 nếu thay đổi chỗ ở, môi trường sống của cháu sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển toàn diện của cháu. Do đó, việc giao cháu H2 cho chị H3 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, hợp lý và phù hợp với tình hình thực tại.

Xét thấy, hiện nay cháu K và cháu N đang có cuộc sống ổn định bên anh H1 nếu thay đổi chỗ ở, môi trường sống của cháu sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển toàn diện của cháu; đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, cháu K và cháu N cũng có nguyện vọng sống với anh H1. Do đó, việc giao cháu K và cháu N cho anh H1 tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục là cần thiết, hợp lý và phù hợp với tình hình thực tại.

Về cấp dưỡng:

+ Chị Trương Thị Hồng H4 chưa yêu cầu anh Trương Đức H1 cấp dưỡng nuôi cháu H2. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Anh Trương Đức H1 chưa yêu cầu chị Trương Thị Hồng H4 cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do chị **Trương Thị Hồng H4** xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Trương Thị Hồng H4 phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông, là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm b Khoản 2 Điều 227; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, 3 Điều 228; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự

- Căn cứ các Điều 51, 53, 55, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 24; điểm a Khoản 5 Điều 27 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Hồng H4.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Hồng H4 được ly hôn với anh Trương Đức H1.

2. Về con chung:

+ Giao con chung là cháu Trương Thị Ngân K sinh ngày 02/09/2013, Trương Hữu N, sinh ngày 30/03/2015 cho anh H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

+ Giao cháu Trương Thị Ngân H2 sinh ngày 05/04/2017 cho chị H4 trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con:

+ Chị Trương Thị Hồng H4 chưa yêu cầu anh Trương Đức H1 cấp dưỡng nuôi cháu H2. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Anh Trương Đức H1 chưa yêu cầu chị Trương Thị Hồng H4 cấp dưỡng nuôi cháu K và cháu N. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Trương Thị Hồng H4 phải nộp 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng mà chị H4 đã nộp theo biên lai thu số 0028842 ngày 20/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị H4 đã nộp xong án phí.

Anh Trương Đức H1 không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang.
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông;
- Đương Sự
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lưu Duy Mạnh